

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 09/5/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Song Hào

2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-DS ngày 27/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 292/2019/UQ-TTT ngày 02 tháng 01 năm 2019) – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1978 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 16/1, Khu phố D, phường E, Quận F, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2018, các bản tự khai, nguyên đơn – Ngân hàng T có ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 17/8/2009, Ngân hàng T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Ngọc S có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 382.483.411 (*Ba trăm tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm mười một*) đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 415.255.190 (*Bốn trăm mười năm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn một trăm chín mươi*) đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã ban hành công văn nhắc nợ nhiều lần nên ngày 26/10/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử 09/5/2019 là 152.744.824 (*Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn*) đồng trong đó nợ gốc: 68.258.360 đồng và tiền lãi phát sinh: 84.486.464 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khoản nợ này giữa Ngân hàng và cá nhân bà S ký kết hợp đồng nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà S trả nợ.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt không lý do tại tất cả các buổi cung cấp lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tạm tính đến ngày 09/5/2019 tổng số tiền 152.744.824 (*Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn*) đồng trong đó nợ gốc: 68.258.360 đồng và tiền lãi phát sinh: 84.486.464 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn - Ngân hàng T khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị Ngọc S, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Thị Ngọc S có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 16/1, Khu phố 2, phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục tố tụng:

+ Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, nguyên đơn – Ngân hàng T có ông Phạm Trường T đại diện theo ủy quyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Phiếu yêu cầu xác minh số 40/PYCXM ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, công an phường An Khánh cung cấp thông tin như sau: “Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại số 16/1, Khu phố 2, phường An Khánh Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Hộ đã giải tỏa không xác định được nơi đến”. Để đảm bảo bị đơn - bà S được quyền nhận và biết nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo luật định, Tòa án nhân dân Quận 2 đã lập Biên bản làm việc vào ngày 12/02/2019, yêu cầu Ngân hàng T liên hệ đài phát thanh hoặc đài truyền hình và báo trung ương, công thông tin điện tử Tòa án nộp lệ phí để tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Phạm Trường T xác định: Bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá lâu, khả năng thu hồi nợ thấp nên Ngân hàng đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định tại nơi cư trú cuối cùng của bà S; địa chỉ số 16/1, Khu phố 2, phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 2 đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc S bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để trình bày lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để tham gia hòa giải; Biên bản họp kiểm tra và giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25/3/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử lần 2 theo quy định của pháp luật. Trong tất cả những lần Tòa án niêm yết công khai văn bản tố tụng kể từ khi vụ án được thụ lý vào ngày 15/01/2019, bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc S đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Phạm vi giải quyết vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/3/2019, nguyên đơn có mặt đã được tiếp cận, biết và nắm rõ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn vắng mặt nên không xuất trình các tài liệu chứng cứ nhưng các đương sự không có yêu cầu, khiếu nại gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được các bên đương sự giao nộp, tiếp cận, công khai theo quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu:

Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc S thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử 09/5/2019 là 152.744.824 (*Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn*) đồng trong đó nợ gốc: 68.258.360 đồng và tiền lãi phát sinh: 84.486.464 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/8/2009. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Dựa vào giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 17/8/2009, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi và phí căn cứ theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T. Các thỏa thuận trên trong hợp đồng tín dụng không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo Bản tóm tắt sao kê ngày 09/5/2019 của Ngân hàng T, quá trình thực hiện thỏa thuận hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Thị Ngọc S đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng T theo thông báo giao dịch hàng tháng. Cụ thể đến hạn thanh toán, bà S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 26/10/2015, Ngân hàng T đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ vay. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S phải trả cho Ngân hàng T nợ gốc với số tiền là 68.258.360 (*Sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi*) đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi nợ quá hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 09/5/2019 là 84.486.464 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn*) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 23 Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, do bà S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà S và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 68.258.360 đồng sang nợ quá hạn từ ngày 26/10/2015. Căn cứ thông báo về việc áp dụng hạn mức rút tiền mặt và lãi suất ưu đãi số 25/TB-TT ngày 28/02/2014 của Ngân hàng T, tại thời điểm bà S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mức lãi suất được áp dụng là 1.92%/tháng, lãi suất quá hạn là $192\% \times 150\% = 2.88\%$ /tháng. Bà S đã cam kết thực hiện đúng thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2009. Mặt khác, Ngân hàng T là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy

định các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Như vậy, mức lãi suất được Ngân hàng T sử dụng để tính lãi suất quá hạn đối với vay của bà Nguyễn Thị Ngọc S từ ngày 26/10/2015 đến ngày 09/5/2019 với số tiền 84.486.464 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn*) đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T; buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 152.744.824 (*Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn*) đồng trong đó nợ gốc: 68.258.360 đồng và tiền lãi phát sinh: 84.486.464 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu tiền án phí là 7.637.241 (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi một*) đồng. Hoàn lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.365.781 (*Ba triệu, ba trăm sáu mươi năm nghìn bảy trăm tám mươi một*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0015988 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 15/01/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463; Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tạm tính đến ngày 09/5/2019 152.744.824 (*Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bốn*) đồng trong đó nợ gốc: 68.258.360 đồng và tiền lãi phát sinh: 84.486.464 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc S còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2019 đối với khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 17/8/2009; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bà S trả dứt nợ.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.637.241 (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi mốt*) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu. Hoàn lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.365.781 (*Ba triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn bảy trăm tám mươi mốt*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0015988 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 15/01/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc S chưa nộp tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T.p HCM
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân T.p HCM*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;*
- *Thị hành án dân sự Quận 2;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Vp, hồ sơ .*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân T.p HCM*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;*
- *Thị hành án dân sự Quận 2;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Vp, hồ sơ.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung